

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HSST
Ngày: 14-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T – TỈNH LONG A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc A

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vĩnh L

Ông Nguyễn Xuân T

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn T – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HS, ngày 18 tháng 5 năm 2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 348A/TB-TA ngày 01 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc G, sinh năm: 1987. Tại: Đồng T .

Nơi ĐKKHKT: Ấp Long Phú A, Phú Thành A, huyện Tam N, tỉnh Đồng T; Nơi cư trú hiện nay: ấp Hải H, xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long A; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Dương Thị T; có chồng tên Trần Văn L, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án – tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thị Lệ H, sinh năm: 1995. Tại: Tiền G.

Nơi ĐKKHKT: Ấp Thủy T, xã Ngũ H, huyện Cai L, tỉnh Tiền G; Nơi cư trú hiện nay: ấp Hải H, xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long A; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Đinh Thị T; có chồng tên Trần Văn T, có 01 con sinh năm 2003; tiền án – tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc G:* Ông Nguyễn Văn K – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Long A (Có mặt)

- *Bị hại:*

1. Nguyễn Văn A, sinh năm: 1994.

Nơi cư trú: Ấp 7, xã Tân Lợi T, huyện Giồng T, tỉnh Bến T (Có mặt).

2. Phạm Văn B, sinh năm: 1994.

Nơi cư trú: Ấp 7, xã Tân Lợi T, huyện Giồng T, tỉnh Bến T (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1968

Nơi cư trú: số 291, tổ 6B ấp 9, xã Tân Lợi T, huyện Giồng T, tỉnh Bến T (Có mặt)

2. Chị Phạm Thị U, sinh năm: 1990

Nơi cư trú: 6/5 lầu 3 Tổng Duy Tân phường 14, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1974

Nơi cư trú: 13/3A đường số 11, phường Tam B, quận Thủ Đ, thành Phố Thủ Đ), thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

4. Chị Trần Thị Xuân T, sinh năm: 2001

Nơi cư trú: ấp Hải H, xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long A (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

2. Hồ Văn T, sinh năm: 1990 (Có mặt)

3. Trần Văn B, sinh năm: 1964 (Có mặt)

4. Nguyễn Thị N, sinh năm: 1969 (Có mặt)

5. Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1984 (Có mặt)

Cùng cư trú: ấp Hải H, xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 27/4/2020, Nguyễn Văn A, Phạm Văn B uống rượu, bia tại nhà của Chị Trần Thị Xuân T ở ấp Hải H, xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long A (chị T là bạn gái của A). Đến khoảng 22 giờ 10 phút, A và B đi bộ sang nhà Trần Văn T cách nhà T khoảng 100 mét để giải quyết mâu thuẫn giữa A và T xảy ra vào ngày 24/4/2020. Khi đi A nhặt 01 đoạn cây tràm dài 88cm, đường kính đầu to 05cm, đường kính đầu nhỏ 04cm, cân nặng 840g, B nhặt 01 đoạn cây tràm dài 100cm, đường kính đầu to 06cm, đường kính đầu nhỏ 05cm, cân nặng 1,1kg. Khi đi đến nhà của ông Hồ Văn T, B nhầm tưởng là nhà của T nên cầm cây đập mạnh vào máy tôn nhà ông T, đồng thời chửi, thánh thốt đánh nhau với T nhưng không phải nhà T. A cầm đoạn cây tiếp tục đi sang nhà T ở cạnh bên còn B thì đứng trên lộ ngay nhà ông Tươi. A dùng cây đập vào cửa nhà làm bằng lá và chửi, thánh thốt đánh nhau với T, lúc này Trần Văn T do đã uống nhiều rượu nên nằm ngủ trong phòng không biết sự việc, Trần Thị Lệ H (vợ của T) lo sợ nên la lớn “bà con ơi tụi nó vô nhà tôi, nó ám sát vợ chồng tôi”. Sau đó, A bỏ chạy ra lộ 837B nhưng khi lên dốc lộ cao hơn nền nhà của H thì bị vấp té nằm sấp đầu hướng ra lộ 837B và nghiêng sang phải. Lúc này, Trần Ngọc G (thím dâu của T) đang đứng trước nhà bên kia lộ 837B đối diện nhà với H, cách khoảng 10m chạy sang giật lấy được đoạn cây tràm A cầm trên tay, G đứng đối diện cách vùng đầu của A khoảng 01m, hai tay cầm đoạn cây tràm đưa lên cao đánh từ trên xuống 02 - 03 cái trúng vào vùng đầu bên trái của A gây thương tích, H đứng ngang hông bên trái dùng chân đạp nhiều cái trúng cái vào vùng lưng của A nhưng không gây thương tích. Lúc này, B đang đứng trên lộ 837B phía nhà ông T cách đó khoảng 07 - 08m cầm đoạn cây tràm trên tay chạy đến định đánh G thì bị H chạy ra giằng co, giật lấy được đoạn cây tràm làm B té nằm sấp đầu hướng ra Quốc lộ 62 và nghiêng sang phải, H đứng đối diện với B cách vùng đầu của B khoảng 01m, H hai tay cầm đầu nhỏ đoạn cây tràm đưa lên cao đánh từ trên xuống 03 - 04 cái trúng vào vùng đầu bên trái của B gây thương tích, G đứng ngang hông bên trái của B, hai tay cầm đoạn cây tràm đánh 02 cái vào vùng lưng của B nhưng không gây thương tích. Sau đó, A và B được đưa đi điều trị thương tích.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 132/TgT.20-PY, ngày 24/7/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Long A kết luận đối với bị hại Nguyễn Văn A như sau: 01 sẹo vết thương vùng thái dương trái, kích thước 1,5cm x 0,2cm,

lành, không dấu thần kinh khu trú; tụ máu tai giữa trái đã ổn, thính lực giảm nhẹ; máu tụ ngoài màng cứng thái dương trái; đập não xuất huyết thái dương 02 bên; vỡ nền sọ (tụ khí nội sọ), nứt sọ thái dương. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Văn A là 60%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 134/TgT.20-PY ngày 29/7/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Long An kết luận đối với bị hại Phạm Văn B như sau: 01 sẹo vết thương vùng thái dương đỉnh trái, kích thước 2,5cm x 1,5cm thay đổi sắc tố da, không dấu thần kinh khu trú; 01 sẹo vết thương vùng thái dương trái kích thước 2cm x 0,5 cm, nghe kém; xuất huyết dưới nhện thái dương phải; tụ máu xương bướm; tụ máu tai giữa, tắc nhĩ, thính lực giảm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của bị hại Phạm Văn B là 20%.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Người bị hại Nguyễn Văn A và Phạm Văn B yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với người đã gây thương tích cho bị hại A, B theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự. Tại cơ quan điều tra bị hại Nguyễn Văn A yêu cầu bồi thường, khắc phục hậu quả tổng số tiền là 106.065.726 đồng gồm: chi phí điều trị thương tích 26.015.728 đồng, tiền xe là 1.250.000 đồng, tiền mất thu nhập là 30.000.000 đồng, tiền mất thu nhập của 02 người nuôi bệnh là bà Nguyễn Thị P (mẹ A) 7.500.000 đồng và Trần Thị Xuân T (bạn gái A) là 3.500.000 đồng, tiền bồi dưỡng sức khỏe là 5.000.000 đồng, tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 30.000.000 đồng, tiền ăn 02 người nuôi bệnh là 2.800.000 đồng. Bị hại Phạm Văn B yêu cầu bồi thường, khắc phục hậu quả tổng số tiền là 108.282.885 đồng gồm: chi phí điều trị thương tích 27.132.885 đồng, tiền xe là 1.250.000 đồng, tiền mất thu nhập là 22.000.000 đồng, tiền mất thu nhập của 02 người nuôi bệnh là bà Nguyễn Thị N (mẹ B) 14.000.000 đồng (20 ngày x 700.000 đ/ngày), chị Phạm Thị U (chị gái B) 5.600.000 đồng (14 ngày x 400.000đ/ngày), tiền bồi dưỡng sức khỏe là 5.500.000 đồng, tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 30.000.000 đồng, tiền ăn 02 người nuôi bệnh là 2.800.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Thị P, Trần Thị Xuân T yêu cầu bồi thường mất thu nhập và hỗ trợ tiền ăn người nuôi bệnh do nuôi bệnh Nguyễn Văn A như bị hại An đã nêu; Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Uyên

yêu cầu bồi thường mất thu nhập và hỗ trợ tiền ăn người nuôi bệnh do nuôi bệnh Phạm Văn B như bị hại B đã nêu.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Văn A rút yêu cầu về bồi thường tổn thất tinh thần và yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo G. Đồng thời, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau số tiền bồi thường thiệt hại, cụ thể như sau:

- Bị cáo G thống nhất bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn A các khoản tiền: tiền chi phí điều trị 26.900.000đ; tiền tàu xe đưa người bệnh đi cấp cứu: 1.250.000đ; tiền mất thu nhập của bị hại: 30.000.000đ; tiền bồi dưỡng cho người bệnh 5.000.000đ, tổng cộng là 63.150.000đ; bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (người nuôi bệnh) là bà Nguyễn Thị P 5.900.000đ và bồi thường cho Chị Trần Thị Xuân T số tiền 4.900.000đ theo yêu cầu của chị T.

- Bị cáo thống nhất bồi thường cho bị hại Phạm Văn B các khoản tiền: chi phí điều trị 27.100.000đ, tiền xe đưa người bệnh đi cấp cứu: 1.250.000đ, tiền mất thu nhập của bị hại 22.000.000.000đ, tiền tổn thất tinh thần: 30.000.000đ; tiền bồi dưỡng cho người bệnh 5.500.000đ, tổng cộng là 85.850.000đ; bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (người nuôi bệnh) là bà Nguyễn Thị N số tiền 5.400.000đ và bồi thường cho chị Phạm Thị U 4.200.000đ.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSTT, ngày 16/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T truy tố bị cáo Trần Ngọc G về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Trần Thị Lệ H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hai bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Đối với bị cáo Trần Ngọc G: áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc G từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.

Đối với bị cáo Trần Thị Lệ H: áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Lệ H từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự. Về vật chứng tịch thu tiêu hủy 01 đoạn cây trầm dài 88cm, đường kính đầu to 05cm, đường kính đầu nhỏ 04cm cân nặng 840g và 01 đoạn cây trầm dài 100cm,

đường kính đầu to 06cm, đường kính đầu nhỏ 05cm cân nặng 1,1kg là hung khí các bị cáo sử dụng trong vụ án.

Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự. Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo Trần Ngọc G, Trần Thị Lệ H cho người bị hại Nguyễn Văn A, Phạm Văn B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị tiếp tục tạm giữ tiền Việt Nam 4.000.000 đồng (bị cáo G và H mỗi bị cáo nộp 2.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án). Bị hại Nguyễn Văn A, Phạm Văn B có trách nhiệm đến cơ quan thi hành án nhận trước một phần tiền bị cáo G, bị cáo H nộp khắc phục một phần hậu quả.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo G trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo G: bị cáo G đã thừa nhận hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo G theo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị và xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ là bị cáo có con nhỏ. Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo đã được Hội đồng xét xử giải thích và cũng đã được người bào chữa giải thích quy định về yêu cầu bồi thường mất thu nhập và hỗ trợ chi phí ăn uống nhưng bị cáo vẫn tự nguyện bồi thường nên người bào chữa đề nghị bị cáo và bị hại thương lượng thêm do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị hại Phạm Văn B trình bày, tại giai đoạn điều tra, B có khiếu nại biên bản lấy lời khai ngày 27/8/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện và đã được giải quyết. Cơ quan điều tra đã hủy bỏ biên bản lấy lời khai trên và tiến hành lấy lời khai lại cho B. Đến nay, tại phiên tòa bị hại B không còn có khiếu nại nào đối với cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Ngọc G, Trần Thị Lệ H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Cụ thể G thừa nhận hành vi dùng đoạn cây tràm đánh gây thương tích cho bị hại Nguyễn Văn A; bị cáo H thừa nhận hành vi dùng đoạn cây tràm đánh gây thương tích cho bị hại Phạm Văn B. Các bị cáo đã được Hội đồng xét xử giải thích rõ các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa cả hai bị cáo đều xác định đã tự nguyện khai nhận hành vi phạm tội, không bị ai đánh đập, ép cung, nhục hình hay mớm cung, dẫn cung. Các bị cáo xác định bản thân là người thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại A, B và không nhận tội thay cho người khác. Lời khai của bị cáo G, H phù hợp với lời khai ban đầu của bị hại A, B tại cơ quan điều tra; đồng thời phù hợp với bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bà N, của chị T, của ông Nguyễn Chí T (người uống rượu cùng A, B), lời khai của những người đã chứng kiến trước và sau khi sự việc xảy ra và những người có mặt tại hiện trường xảy ra vụ việc như ông Trần Văn B, ông Hồ Văn T, chị Trần Thị Kiều T, bà Nguyễn Thị p, ông Ngô Văn C, ông Trần Văn T (Trí Anh), ông Trần Văn N, ông Trần Văn T (dân phòng), ông Lê Khắc Đ (Phó trưởng ấp), ông Nguyễn Công H (công an xã), ông Trần Văn L. Đồng thời, lời khai của các bị cáo phù hợp các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật, Biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản xác định hung khí, bản ảnh vật chứng, kết luận giám định, biên bản nhận dạng bị hại, biên bản xem xét dấu vết trên thân thể bị hại... Do đó, căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác, kết quả tranh luận tại phiên, có đủ cơ sở kết luận: bị cáo Trần Ngọc G đã dùng cây tràm dài 88cm, đường kính đầu to 05cm, đường kính đầu nhỏ 04cm, cân nặng 840g đánh vào vùng đầu bên trái của A gây thương tích cho A với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 60%. Trần Thị Lệ H dùng đoạn cây tràm dài 100cm, đường kính đầu to 06cm, đường kính đầu nhỏ 05cm, cân nặng 1,1kg đánh vào vùng đầu bên trái của B gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 20%.

[3] Bị cáo G và H là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Bị cáo G trình bày do nghe tiếng các bị hại chửi, thách thức đánh nhau với chồng của bị cáo H, nghe tiếng H kêu cứu và nhìn thấy bị hại A chạy ra từ phía nhà của H nên G lo sợ có chuyện nguy hiểm cho cháu của mình (H là cháu dâu của G) nên khi nhìn thấy A vấp té tại vị trí dốc nhà H lên lề lộ đã chạy đến giật cây và đánh A. Bị cáo H khai nhận do đêm khuya, bị hại đến dùng cây đập cửa và thách thức đánh nhau với chồng của bị cáo nên bị cáo lo sợ, tri hô lên để nhờ cứu giúp. Sau khi nhìn thấy bị hại B cầm cây định đến đánh G nên đã giật lấy cây, làm B té sấp xuống lộ

và dùng cây giật được đánh B. Hai bị cáo thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại một cách nhất thời, bộc phát mà không nghĩ đến hậu quả xảy ra, không nhằm mục đích tước đoạt tính mạng của bị hại do hành vi không quyết liệt, sau khi đánh khoảng 2-3 cái thì dừng lại. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Có cơ sở xác định hành vi của hai bị cáo đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự.

[4] Hung khí bị cáo G sử dụng gây thương tích cho anh A thu giữ được thể hiện là một đoạn cây tràm dài 88cm, đường kính đầu to 05cm, đường kính đầu nhỏ 04cm cân nặng 840g. Hung khí bị cáo H sử dụng gây thương tích cho anh B thu giữ được thể hiện là một đoạn cây tràm 100cm, đường kính đầu to 06cm, đường kính đầu nhỏ 05cm cân nặng 1,1kg. Tất cả hai đoạn cây tràm này đều rắn, chắc, nên được xác định là hung khí nguy hiểm. Do vậy, hai bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trên tỷ lệ thương tích gây ra cho từng bị hại. Cụ thể:

[4.1] Bị cáo G dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại A với tỷ lệ thương tích là 60%, nên hành vi phạm tội của bị cáo G thuộc trường hợp định khung hình phạt theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

[4.2] Bị cáo H dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại Ba với tỷ lệ thương tích là 20%, nên hành vi phạm tội của bị cáo H thuộc trường hợp định khung hình phạt theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

[5] Mặc dù hai bị hại có lỗi trong việc vào đêm khuya đến nhà bị cáo H đập cửa, chửi bới và thách thức đánh nhau, bị cáo G lo sợ sự an toàn cho cháu mình nên đã cùng H gây thương tích cho bị hại. Tuy nhiên, hành vi của hai bị cáo là trái pháp luật, do bị cáo có thể thực hiện nhiều phương án khác để xử lý đối với hành vi của bị hại A, B. Vì vậy, hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, xem thường tính mạng sức khỏe của người khác, làm cho anh A, B bị tổn hại và giảm sút về sức khỏe. Hành vi của hai bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ về sức khỏe của con người, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần thiết xử lý hai bị cáo bằng một hình phạt thỏa đáng mới có thể giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự: hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự: trong quá trình điều tra, cả hai bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại một phần thiệt hại số tiền 4.000.000đ (mỗi bị cáo 2.000.000đ), tại phiên tòa cả hai bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã tự nguyện thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường thiệt hại nhằm khắc phục; đồng thời, hai bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bên cạnh, xét thấy hai bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bị cáo G thuộc trường hợp hộ nghèo, cận nghèo, trình độ học vấn thấp (G: không biết chữ; H: 02/12) nên khả năng nhận thức về pháp luật có phần hạn chế, trong vụ án cũng có một phần lỗi của hai bị hại. Ngoài ra, bị cáo G có cậu ruột tên Dương Xuân L là liệt sỹ, ông ngoại tên Dương Văn K tham gia cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì và hạng ba, cậu ruột tên Dương Văn H, Dương Văn Đ tham gia cách mạng. Do đó hai bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Đối với Phạm Văn B có hành vi dùng cây đập vào mái tole nhà ông Hồ Văn T nhưng không gây thiệt hại gì, Nguyễn Văn A có hành vi dùng cây đập vào cửa nhà làm bằng lá của Trần Văn T nhưng không gây thiệt hại gì, A và B không có mục đích cố ý làm hư hỏng tài sản của T và T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân T không xem xét, xử lý đối với Phạm Văn B và Nguyễn Văn A là có căn cứ.

[9] Về vật chứng: 01 đoạn cây tràm dài 88cm, đường kính đầu to 05cm, đường kính đầu nhỏ 04cm cân nặng 840g là hung khí mà Trần Ngọc G sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; 01 đoạn cây tràm dài 100cm, đường kính đầu to 06cm, đường kính đầu nhỏ 05cm cân nặng 1,1kg là hung khí mà Trần Thị Lệ H sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, xét thấy giá trị sử dụng không lớn, nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Xét thấy tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại, sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định của pháp luật nên cần ghi nhận. Cụ thể bị cáo G bồi thường cho bị hại A tổng số tiền 63.150.000đ, bồi thường cho bà Nguyễn Thị P 5.900.000đ, chị Xuân T 4.900.000đ; bị cáo H bồi thường cho bị

hại B số tiền 85.850.000đ, bồi thường cho bà Nguyễn Thị N 5.400.000đ, chị U 4.200.000đ. Bị cáo G và H đã nộp trước số tiền bồi thường khắc phục một phần hậu quả mỗi bị cáo 2.000.000 đồng nên cần khấu trừ vào số tiền bị cáo G, H đã tạm nộp vào số tiền hai bị cáo phải bồi thường cho bị hại A, B. Bị cáo G còn phải bồi thường cho anh A số tiền 61.150.000đ, bị cáo H còn phải bồi thường cho anh B số tiền 83.850.000đ.

[11] Về án phí: bị cáo G thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được xem xét miễn án phí. Bị cáo H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền còn phải bồi thường cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc G và Trần Thị Lệ H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Đối với bị cáo Trần Ngọc G: áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Ngọc G 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Đối với bị cáo Trần Thị Lệ H: áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Thị Lệ H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn cây trà dài 88cm, đường kính đầu to 05cm, đường kính đầu nhỏ 04cm cân nặng 840g và 01 đoạn cây trà dài 100cm, đường kính đầu to 06cm, đường kính đầu nhỏ 05cm cân nặng 1,1kg.

Hiện vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân T đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 09/QĐ-VKSTT, ngày 16/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 590; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Ngọc G phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho anh Nguyễn Văn A số tiền 61.150.000đ (Sáu mươi một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) và bồi thường cho bà Nguyễn Thị P số tiền 5.900.000đ (Năm triệu chín trăm nghìn đồng), bồi thường cho Chị Trần Thị Xuân T số tiền 4.900.000đ (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Trần Thị Lệ H phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho anh Phạm Văn B số tiền 83.850.000đ (Tám mươi ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) và bồi thường cho bà Nguyễn Thị N số tiền 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng), chị Phạm Thị U số tiền 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn A và anh Phạm Văn B có quyền liên hệ Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân T để nhận mỗi người số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng, tiền bị cáo Giàu, Hằng nộp khắc phục hậu quả theo Quyết định chuyển vật chứng số 09/QĐ-VKSTT, ngày 16/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T và biên lai thu tiền số 0008656 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất pháp luật quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Ngọc G được miễn án phí.

Buộc bị cáo Trần Thị Lệ H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.672.500đ (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long A;
- VKSND tỉnh Long A;
- VKSND huyện Tân T;
- Công an huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁ – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc A

